

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2022/HS-ST
Ngày: 11-5-2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Ngô Văn Đơn.

2/ Ông Ngô Xuân Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Điền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 225/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2021/QĐXXST-HS ngày 15/12/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2021/HSST-QĐ ngày 30/12/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Hoàng Thị H, sinh năm 1979. Tại: Thanh Hóa. Nơi ĐKKHKT: phường TA, thành phố M, tỉnh Bình Dương; Trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: nhân viên văn phòng; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Tiến B và bà Trịnh Thị T; chồng: Nguyễn Hữu Q, có 02 con (lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Bị hại: Bảo hiểm xã hội tỉnh BD; địa chỉ: phường HP, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: bà Ngô Thị Mộng H1 - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 02/7/2021); vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Công ty TNHH PV; địa chỉ: Khu 2, phường PT, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1982; địa chỉ: phường PH, thành phố M, tỉnh Bình Dương – Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 02/7/2021); vắng mặt.

2/ Ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1981; địa chỉ: phường TA, thành phố M, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

3/ Bà Hồ Thị Thanh N, sinh năm 1984; HKTT: Thôn TH, xã TA, huyện ĐM, tỉnh Đắk Nông; Nơi ở: phường TCH, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

4/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961; địa chỉ: Tổ dân phố x1, thị trấn ĐM, huyện ĐM, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

5/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971; địa chỉ: thị trấn ĐM, huyện ĐM, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/7/2019, Bảo hiểm xã hội tỉnh BD gửi đơn đến Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về Tham nhũng, Kinh tế và Buôn lậu (PC03) Công an tỉnh Bình Dương tố giác Hoàng Thị H là nhân viên làm việc tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn PV (gọi tắt là Công ty PV), địa chỉ tại phường PT, thành phố M, tỉnh Bình Dương có hành vi sử dụng Giấy chứng sinh mang tên Hoàng Thị H để làm chứng từ đề nghị giải quyết chế độ thai sản nhằm chiếm đoạt số tiền là 47.360.000 (bốn mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi ngàn) đồng của Bảo hiểm xã hội tỉnh BD nhưng thực tế H không có sinh con. Ngày 25/12/2019, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về Tham nhũng, Kinh tế và Buôn lậu (PC03) Công an tỉnh Bình Dương chuyển tố giác về tội phạm trên đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một để xử lý theo thẩm quyền.

Quá trình xác minh và điều tra đã xác định rõ hành vi phạm tội của Hoàng Thị H như sau: Hoàng Thị H là nhân viên làm việc tại Công ty PV từ năm 2008 và H được phân công làm việc ở bộ phận nhân sự, giải quyết chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên Công ty PV. Trong quá trình làm việc, H nắm rõ thủ tục, quy trình làm hồ sơ đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh BD giải quyết chế độ thai sản nên H nảy sinh ý định làm Giấy chứng sinh mang tên Hoàng Thị H để làm hồ sơ đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh BD giải quyết chế độ thai sản nhằm chiếm đoạt tiền của Bảo hiểm xã hội tỉnh BD. Thực hiện ý định trên, khoảng tháng 6/2018 trong lúc đi làm, H gặp chị Hồ Thị Thanh N, sinh năm 1984. Trong lúc trò chuyện, H biết chị N có thể nhờ người làm được Giấy chứng sinh cho H do mẹ chị N là bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961 làm cộng tác viên về dân số tại tổ dân số 13, thị trấn ĐM, huyện ĐM, tỉnh Đắk Nông và có quen biết với bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1971 là Trưởng Trạm Y tế thị trấn ĐM nên H nhờ chị N làm giúp H 01 (một) Giấy chứng sinh mang tên Hoàng Thị H để H làm giấy khai sinh cho con thì chị N đồng ý. Sau đó, chị N nói với bà T nhờ bà L làm cho 01 (một) Giấy chứng sinh mang tên Hoàng Thị H thì bà T và bà L đồng ý. Sau khi có Giấy chứng sinh, chị N gửi Giấy chứng sinh về địa chỉ Công ty PV cho H và H tự gửi cho chị N số tiền là 500.000 (năm trăm ngàn) đồng. Vào cuối tháng 11/2018, H nộp Giấy chứng sinh mang tên Hoàng Thị H số 67, quyển số 1, do Trạm Y tế thị trấn ĐM cấp ngày 25/11/2018 cho Công ty PV để làm hồ sơ, chứng từ đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh BD giải quyết chế độ thai sản cho H. Đến ngày 20/12/2018, H được Bảo hiểm xã hội tỉnh BD giải quyết chế độ thai sản với tổng số tiền là 47.360.000 (bốn mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi ngàn) đồng, số tiền trên H được Bảo hiểm xã hội tỉnh BD chuyển vào tài khoản cá nhân tên Hoàng Thị H, số tài khoản 02810004950xx tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Bình Dương.

Vào ngày 14/6/2019, Đoàn thanh tra Bảo hiểm xã hội tỉnh BD kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tại Công ty PV. Qua kiểm tra, Đoàn thanh tra phát hiện H không có sinh con nhưng vẫn nộp Giấy chứng sinh mang tên Hoàng Thị H cho Công ty PV để làm chứng từ đề nghị Bảo hiểm xã hội tỉnh BD giải quyết chế độ thai sản nhằm chiếm đoạt số tiền là 47.360.000 (bốn mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi ngàn) đồng của Bảo hiểm xã hội tỉnh BD theo

Kết luận thanh tra số 130/KL-BHXX ngày 05/7/2019 của Bảo hiểm xã hội tỉnh BD. Sau đó, Bảo hiểm xã hội tỉnh BD đã làm đơn tố giác hành vi của Hoàng Thị H như đã nêu trên.

Ngày 10/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định trưng cầu giám định 01 (một) Giấy chứng sinh mang tên Hoàng Thị H số 67, quyền số 1, do Trạm Y tế thị trấn ĐM cấp ngày 25/11/2018. Căn cứ Kết luận giám định số 204/GĐ-PC09 ngày 22/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận như sau:

1. Chữ ký mang tên “Nguyễn Thị L” trên 01 (một) “Giấy chứng sinh” số 67, quyền số 1, đề ngày 25/11/2018 (ký hiệu A) so với chữ ký của Nguyễn Thị L trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M3 đến M6) do cùng một người ký ra.

2. Hình dấu tròn có nội dung “* TRUNG TÂM Y TẾ H. ĐM - T. ĐẮK NÔNG – TRẠM Y TẾ THỊ TRẤN ĐM” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M3 đến M5) do cùng một con dấu đóng ra.

Quá trình xác minh và điều tra, ngày 31/7/2019 anh Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1981 là chồng của Hoàng Thị H đã thay mặt H nộp lại số tiền 47.360.000 (bốn mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi ngàn) đồng cho Bảo hiểm xã hội tỉnh BD để nhằm khắc phục hậu quả cho H. Hiện tại, Bảo hiểm xã hội tỉnh BD không có yêu cầu gì khác đối với Hoàng Thị H.

Đối với chị Hồ Thị Thanh N và bà Nguyễn Thị T, quá trình điều tra do chị N và bà T khai nhận khi H nhờ chị N và bà T làm Giấy chứng sinh mang tên Hoàng Thị H thì H nói để làm thủ tục đăng ký khai sinh cho con nên chị N và bà T không biết H làm Giấy chứng sinh nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của Bảo hiểm xã hội tỉnh BD. Đối với số tiền 500.000 (năm trăm ngàn) đồng mà H đưa cho chị N là H tự cho chị N nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với chị N và bà T.

Đối với bà Nguyễn Thị L, quá trình điều tra bà L khai nhận do có quen biết với bà Nguyễn Thị T nên khi bà T nhờ làm Giấy chứng sinh mang tên Hoàng Thị H thì bà T nói để H làm thủ tục đăng ký khai sinh cho con nên bà L đồng ý và bà L không biết H làm Giấy chứng sinh nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của Bảo hiểm xã hội tỉnh BD nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà L. Đối với hành vi cấp Giấy chứng sinh không đúng theo quy định của bà L, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một đã có Văn bản đề nghị Sở Y tế tỉnh Đắk Nông có hình thức xử lý theo quy định. Ngày 08/10/2021, Trung tâm y tế huyện ĐM ra quyết định xử lý kỷ luật đối với bà Nguyễn Thị L với hình thức cảnh cáo theo Quyết định số 552/QĐ-TTYT.

Cáo trạng số 176/CT-VKS-HS ngày 07/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo Hoàng Thị H về tội “Gián lận bảo hiểm xã hội” theo điểm a khoản 1 Điều 214 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 214; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo mức hình

phạt tù 06 tháng tù đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận, trong lời sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản ghi lời khai của bị hại cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Với hành vi sử dụng giấy chứng sinh (có nội dung không đúng sự thật) để tự ý làm hồ sơ, chứng từ đề nghị thanh toán chế độ thai sản nhằm chiếm đoạt số tiền 47.360.000 đồng mà bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Gián lận bảo hiểm xã hội” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 214 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Đối với hành vi của bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T, Hồ Thị Thanh N, do bản thân các đối tượng nêu trên không biết mục đích làm giả giấy chứng sinh của Hoàng Thị H nhằm mục đích lừa dối cơ quan bảo hiểm xã hội nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[3] Hành vi mà bị cáo thực hiện đã gây thiệt hại về tài sản của cơ quan bảo hiểm xã hội, ảnh hưởng đến chế độ bảo hiểm của Nhà nước. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại để khắc phục hậu quả. Ngoài ra bị cáo có mẹ tham gia cách mạng, được tặng Huy chương kháng chiến hạng Nhất. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Nhận thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt. Do đó xét thấy việc cho bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện không ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương. Vì thế,

Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự như đề nghị của Viện kiểm sát khi quyết định hình phạt nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không có yêu cầu bồi thường nên không đề cập xử lý.

[8] Về biện pháp tư pháp: Không có.

[9] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 136, 260, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị H phạm tội “Gián lận bảo hiểm xã hội”.

2/ Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 214; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị H 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (11/5/2022).

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân phường TA, thành phố M, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

4/ Về biện pháp tư pháp: Không có.

5/ Về án phí: Buộc bị cáo chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

Lê Minh Đạo